

TIẾP CẬN NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA CON NGƯỜI VIỆT NAM TRUYỀN THỐNG

Nguyễn Bá Cường
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

1. Mở đầu

Trong thời đại toàn cầu hóa hiện nay, nguồn lực con người chính là nhân tố để mỗi quốc gia khẳng định vị thế và sức mạnh của mình trên trường quốc tế. Do con người vừa là chủ thể vừa là sản phẩm của lịch sử nên ở con người Việt Nam hiện nay vẫn tiếp nhận (một cách tự giác hoặc tự phát) những di sản truyền thống tư tưởng, ý thức, tâm lí, đạo đức, lối sống của con người Việt Nam trước đây. Xét trên phương diện lí luận và thực tiễn thì việc làm rõ những yếu tố truyền thống đó là nhiệm vụ của các ngành khoa học xã hội - nhân văn nói chung và của triết học nói riêng. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi tiếp cận những đặc điểm cơ bản với ý nghĩa là những nét chung, phổ biến của con người Việt Nam truyền thống - con người Việt Nam mang trong mình những giá trị tinh thần trải qua lịch sử phát triển của dân tộc (đặc điểm tích cực) cần phát huy và cả những mặt hạn chế (đặc điểm tiêu cực) cần khắc phục. Làm rõ các vấn đề đó sẽ có ý nghĩa nhất định về mặt nhận thức và thực tiễn trong quá trình xây dựng con người Việt Nam mới, đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế của đất nước.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Những đặc điểm tích cực trong con người Việt Nam truyền thống

2.1.1. Tinh thần yêu nước

Con người Việt Nam truyền thống luôn có *tinh thần yêu nước*. Đó là một đặc điểm nổi bật, “là giá trị đứng đầu bằng giá trị tinh thần của người Việt Nam” [4;15], “là một truyền thống quý báu” của dân tộc ta [6;6,171].

Xét về phương diện lịch sử, tinh thần yêu nước là sản phẩm của một cộng đồng người, là tư tưởng, tình cảm và thái độ của con người đối với cộng đồng, *là tư tưởng, tình cảm về lòng trung thành và yêu mến Tổ quốc*. Xét trên phương diện lí luận, yêu nước là ý thức trách nhiệm về cộng đồng, về giống nòi, về dân tộc,... được biểu hiện ra thành những quan điểm, lí luận, nhận thức về con đường và biện

pháp đấu tranh giải phóng dân tộc, về động lực và khả năng giành lại lãnh thổ và xây dựng đất nước, về quan hệ giữa dân tộc với dân tộc,... Chúng tôi cho rằng, bản chất con người Việt Nam bộc lộ rõ ràng nhất, tập trung hơn bất cứ chỗ nào khác chính là ở tinh thần yêu nước. Tinh thần đó được đúc kết thành triết lí xã hội và nhân sinh, thành "chủ nghĩa yêu nước Việt Nam".

Trải qua hơn nghìn năm Bắc thuộc, người dân Việt Nam không bị đồng hoá bởi dân tộc Hán. Không những thế, người Việt đã bản địa hoá những tư tưởng ấy. Tinh thần yêu nước lại quật cường bởi sức mạnh của con người Việt Nam không phân biệt già, trẻ, gái, trai,... Lịch sử đã sản sinh ra những con người vĩ đại mà tên tuổi của họ tiêu biểu cho dân tộc Việt Nam anh hùng như Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Nam Đế, Phùng Hưng, Ngô Quyền,... Trong mỗi hành động vì dân vì nước của họ, tinh thần yêu nước đã quyện chặt với lý tưởng giải phóng con người, giải phóng dân tộc. "Đây là một trường hợp thành công duy nhất trong nhóm Bách Việt và cũng là trường hợp hiếm có trong lịch sử thế giới" [1;60].

Suốt chiều dài lịch sử đất nước, kể từ khi bước vào kỉ nguyên độc lập mới (từ năm 938 trở về sau), nhân dân Việt Nam luôn phải tiến hành nhiều cuộc kháng chiến toàn dân cứu nước: chống Tống, chống Mông Nguyên, chống Minh, chống Thanh, chống Pháp, chống Mỹ,... Qua mỗi cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm, tinh thần yêu nước của người Việt Nam lại càng ngày quật khởi, kiên cường.

Ở thế kỉ XX, tinh thần yêu nước Việt Nam tiếp tục được phát huy và nâng lên một bước phát triển mới về chất mang tầm thời đại, phản ánh sâu sắc ý chí quyết tâm của nhân dân ta: "Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy" [6;4].

Tinh thần yêu nước của con người Việt Nam truyền thống không chỉ thể hiện trong sự nghiệp giữ nước, giành độc lập dân tộc mà còn được biểu hiện cả trong chủ trương chính trị nhân nghĩa xây dựng triều đại, củng cố và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước: Yêu nước phải thực hiện được chủ trương làm cho "vận nước lâu dài, phong tục phồn thịnh", ... "mưu toan nghiệp lớn, tính kế muôn đời cho con cháu" (Lý Công Uẩn); phải xây dựng "một xã hội hòa" để "làm cho khắp nơi thôn cùng xóm vắng không có tiếng ồn giận, oán sầu", phải "trừ độc, trừ tham, trừ bạo ngược" (Nguyễn Trãi),...

Như vậy, tinh thần yêu nước của người Việt Nam chính "là ý thức dân tộc, tinh thần độc lập, ý chí tự lập, tự cường cao mà nội dung cơ bản là coi độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ là lợi ích tối cao, là thiêng liêng, bất khả xâm phạm" [1;62]. Tinh thần yêu nước ở con người Việt Nam hiện nay không phải là một sự trừu tượng trống rỗng mà chính là chuẩn mực cao nhất của đạo lí Việt Nam, được biểu hiện trong mọi giá trị, trong mỗi hành vi, trong cách ứng xử của mỗi cá nhân, mỗi cộng đồng xã hội. Tinh thần yêu nước được khẳng định là phẩm chất được đánh giá cao nhất, đứng đầu trong hệ thống các phẩm chất đạo đức chủ yếu của con người Việt Nam hiện nay [7;192-195].

2.1.2. Ý thức cộng đồng dân tộc

Ý thức cộng đồng của người Việt Nam là những tư tưởng, quan điểm, cách cư xử, ứng xử,... thể hiện tinh thần đoàn kết, thương yêu, trách nhiệm, giúp đỡ tương trợ nhau trong cuộc sống cộng đồng xã hội, trong công cuộc dựng nước và giữ nước. Trong ý thức cộng đồng thể hiện rõ mối quan hệ giữa cá nhân và tập thể (gia đình, dòng họ, làng, nước,...).

Ý thức cộng đồng thuộc hình thái ý thức xã hội mang tính nhân loại. Đối với người Việt Nam, ý thức cộng đồng có vị trí đặc biệt quan trọng trong hệ giá trị truyền thống, “là nét nổi trội, phổ biến và đặc sắc của truyền thống Việt Nam” [1;62]. Đó là sản phẩm của quá trình cùng chung sống, cố kết nhau để tạo nên sức mạnh đoàn kết chống chọi với thiên tai, đánh đuổi ngoại xâm, bảo vệ và giữ gìn độc lập chủ quyền quốc gia. Ý thức cộng đồng của người Việt Nam ngày càng được khẳng định là sức mạnh trường tồn và là động lực chủ yếu thúc đẩy sự phát triển của đất nước.

Người Việt Nam thường quan niệm “cây có cội, nước có nguồn”, “chim có tổ, người có tông” nên ý thức cộng đồng về nguồn gốc tổ tiên dân tộc được lưu truyền và gìn giữ từ đời này qua đời khác. Nước Việt Nam có nhiều dân tộc (hiểu theo nghĩa là tộc người - ethnic, như người Kinh, người Dao, người Tày, người Nùng, người Chăm,...) và cũng có nhiều truyền thuyết về nguồn gốc tổ tiên dân tộc mình. Nhưng đối với toàn thể dân tộc Việt Nam (hiểu theo nghĩa quốc gia dân tộc - nation) thì ý thức cộng đồng về nguồn gốc tổ tiên dân tộc đều có điểm chung, đó là nguồn gốc: Con Lạc cháu Hồng (cùng chung “*dòng máu Lạc Hồng*”). Điều này khẳng định tinh thần cố kết trong tình cốt nhục và trong nghĩa đồng bào của con người Việt Nam truyền thống.

Đối với con người Việt Nam truyền thống, ý thức cộng đồng còn được biểu hiện trong mối quan hệ với làng xóm, quê hương bản quán (“đất lành, quê thói”). Những người tài đức, hiền hậu, tình nghĩa được cộng đồng làng xã tôn trọng, quý mến. Ngược lại, những kẻ gian trá, bạc ác thì bị dân làng khinh bỉ, thậm chí không thừa nhận là thành viên của làng xã. Qua cách ứng xử như thế cho thấy tác dụng giáo dục đạo đức luân lý một cách hiệu quả trong cộng đồng làng xã Việt Nam.

Người Việt Nam luôn thấm nhuần đạo lý “uống nước nhớ nguồn”, “ăn quả nhớ người trồng cây”,... nên thường lấy “nền nếp gia phong” làm niềm tự hào. Hầu hết người Việt Nam đều tin theo tín ngưỡng “thờ cúng Tổ tiên” (người Miền Nam gọi là “Đạo Ông Bà”) mà Hùng Vương là Quốc Tổ. Có nhiều học giả đề nghị nhà nước công nhận tín ngưỡng truyền thống này là Quốc Đạo. Thông qua tín ngưỡng dân tộc này mà ý thức cộng đồng của con người Việt Nam truyền thống được biểu hiện một cách tập trung và sâu sắc. Ngoài ra, người Việt Nam trọng ngày giỗ (ngày mất) hơn ngày sinh. Ngày giỗ tưởng niệm người đã khuất được tổ chức dù là rất đơn giản nhưng trang nghiêm và bao giờ cũng đúng dịp (chỉ có thể giỗ trước - giỗ đón, chứ không bao giờ giỗ sau ngày mất) để những người sống bày tỏ tình cảm của mình,

đồng thời là cơ hội, điều kiện để gắn kết sự bền chặt của gia đình, họ hàng, dòng tộc, làng xóm,... Với việc duy trì tín ngưỡng dân tộc này trên phương diện tâm linh của con người Việt Nam có tác dụng hiệu quả trong giáo dục truyền thống đối với các thế hệ sau.

2.1.3. Tình yêu thương con người

Tình yêu thương con người, hay tinh thần nhân ái, nhân văn là một trong những giá trị truyền thống nổi bật của con người Việt Nam truyền thống. Điều đó được biểu hiện ở tư tưởng đề cao vai trò của con người và nhân cách con người trong thực tiễn đời sống xã hội.

Truyền thống dân tộc Việt Nam thường lấy “nhân tâm”, “tình người” là cơ sở của mọi mối quan hệ chung sống với nhau. Do quan niệm coi con người là vốn quý giá nhất nên người Việt Nam nâng điều “nhân nghĩa” lên thành chuẩn mực đạo đức cao nhất. *Những người nhân nghĩa, hiền lành được xã hội trân trọng, được báo đáp*: “Ở có nhân, mười phần chẳng khổn”; “Ở hiền thì lại gặp lành,/Những người nhân đức trời dành phần cho”; “Có đức, mặc sức mà ăn”,... *Nhân nghĩa yêu thương con người không có sự phân biệt*: “Thương người như thể thương thân”; “Lá lành đùm lá rách”; “Vị tình vị nghĩa, ai vị đĩa xôi đây”; “Trọng người, người lại trọng thân”,... Mặc dù Nho giáo coi nhân nghĩa là phạm trù cơ bản, là phẩm chất đạo đức cao quý của người quân tử. Nhưng ở Nho giáo, nhân nghĩa biểu hiện tình yêu thương người thân, yêu người có phân biệt thân sơ, không thừa nhận nhân nghĩa có ở người dân lao động. Đây chính là điểm khác biệt của nhân nghĩa Nho giáo với tình yêu thương trong con người Việt Nam truyền thống.

Ở người Việt Nam, nhân nghĩa, nhân ái được mở rộng dần từ tình yêu thương những người thân thuộc (cha mẹ, vợ chồng, anh em, con cháu,...) đến tình yêu thương người trong họ tộc, người “trong làng, ngoài nước” và rộng hơn cả là yêu thương đồng bào, nhân loại. Đó chính là đạo lý cao cả trong con người truyền thống Việt Nam.

Tình yêu thương con người của người Việt Nam bắt nguồn từ tình yêu thương người thân trong gia đình: cha mẹ (“công cha nghĩa mẹ”,...), anh chị em (“chị ngã em nâng”, “môi hở răng lạnh”,...), vợ chồng (“tình chồng nghĩa vợ”, “một ngày nên nghĩa vợ chồng”,...), con cháu (“con cháu thảo hiền”,...) rồi đến tình yêu thương bạn bè (“bạn bè là nghĩa tương thân,/Khó khăn thuận lợi ân cần có nhau”,...), tình thầy trò (“công cha, nghĩa mẹ, ơn thầy”,...), tình nghĩa đồng bào (“người trong một nước thì thương nhau cùng”,...). Trong tất cả các mối quan hệ kể trên, tuy có sự phân biệt về mức độ tình cảm nhưng dù trong mối quan hệ nào, tình yêu thương con người đều là biểu hiện xuyên suốt, là tiêu chí để khẳng định giá trị làm người và luôn được người Việt Nam nâng niu trân trọng.

Tình yêu thương con người của người Việt Nam còn thể hiện cả truyền thống khoan dung, nhân đạo. Ngay cả đối với kẻ thù xâm lược, khi đã đầu hàng hoặc bị bắt làm tù binh, vẫn được khoan hồng. Đạo lý nhân nghĩa cao cả này được thực hiện

ngay trong các cuộc kháng chiến chống giặc Minh, Thanh, Pháp, Mỹ,... Đến thời đại ngày nay, tình yêu thương con người của người Việt Nam truyền thống được tiếp tục phát triển. Hồ Chí Minh là biểu tượng vĩ đại nhất của truyền thống yêu thương con người của dân tộc Việt Nam. Có thể khẳng định rằng, tình yêu thương con người của người Việt Nam truyền thống chính là nguồn mạch của chủ nghĩa nhân đạo, nhân văn Việt Nam hiện đại.

2.1.4. Cần cù, sáng tạo, linh hoạt

Con người Việt Nam truyền thống có tính cần cù, linh hoạt trong thực tiễn sản xuất và đời sống. Điều này được quy định bởi chính điều kiện sinh sống của người Việt Nam.

Ngay từ khi buổi đầu dựng nước, người Việt Nam đã ý thức được vai trò và sức mạnh của lao động. Không chỉ tin tưởng và thần thánh hoá sức mạnh lao động của con người: thần đào sông, thần xây núi, thần lấp biển, thần trụ trời, thần chống thiên tai,... mà người Việt Nam còn đề cao khả năng sáng tạo và trình độ chế tác công cụ phục vụ sản xuất, chế tác vũ khí, đắp thành lũy để giữ nước. Mặt khác, người Việt Nam truyền thống cũng đề cao sự hài hòa và năng lực chinh phục thiên nhiên. Có thể kể ra những hình mẫu tiêu biểu trong truyền thuyết như: Sơn Tinh, Thánh Gióng, Lang Liêu, Mai An Tiêm, Thạch Sanh,...

Đối với con người Việt Nam truyền thống, sự cần cù gắn liền với sự thông minh và sáng tạo. Điều này thể hiện rõ trong lịch sử xây dựng và phát triển đất nước. Toàn bộ đời sống vật chất và đời sống tinh thần mà nhân dân tạo dựng được trong quá trình lao động sản xuất đều là những bằng chứng cho truyền thống cần cù, thông minh, sáng tạo của người Việt Nam.

Người Việt Nam có truyền thống *sáng tạo*, dễ thích ứng với hoàn cảnh, dễ dung hợp những yếu tố bên ngoài (biến cái của người thành của mình, “ở bầu thì tròn, ở ống thì dài”,...). Những đặc điểm đó còn được biểu hiện trong các cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm, bảo vệ nền độc lập tự chủ của dân tộc. Chính vì thế, người Việt Nam có một nền nghệ thuật quân sự dân tộc độc đáo mà khiến cho bất cứ một kẻ thù nào cũng phải khiếp sợ vì tính sáng tạo “khó lường” của nó. Ngoài ra, nghệ thuật ngoại giao của người Việt Nam trong lịch sử đã được khẳng định là một “nền ngoại giao mềm”, ngoại giao sáng tạo, độc đáo đạt đến đỉnh cao của mọi thời đại. Những di sản tư tưởng, văn kiện ngoại giao mà Nguyễn Trãi, Phùng Khắc Khoan, Lê Quý Đôn, Ngô Thì Nhậm,... để lại là những minh chứng xuất sắc về tính sáng tạo của con người Việt Nam mà khó có dân tộc nào sánh được.

Không chỉ sáng tạo trong lao động, trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc mà người Việt Nam còn có sự sáng tạo độc đáo trong sáng tác nghệ thuật, trong khoa học xã hội - nhân văn. Nhiều di sản văn hóa (vật thể và phi vật thể) của dân tộc được thế giới công nhận là những kiệt tác văn hóa đại diện của nhân loại. Nhiều danh nhân văn hóa được lưu danh sử sách mà những di sản tinh thần của họ để lại đã chứng tỏ sức sáng tạo kỳ diệu của người Việt Nam. Có thể nói, "đây chính là một nét nổi

bật của trí tuệ Việt Nam được mài sắc và đạt đến đỉnh cao nhờ kinh nghiệm thực tế nhiều đời chiến đấu và chiến thắng” [2;293].

Ngoài ra còn phải kể đến lối sống giản dị, hòa hợp, phóng khoáng và lãng mạn của con người Việt Nam truyền thống. Người Việt Nam không ưa hình thức cầu kỳ, lễ nghi phức tạp mà luôn nhạy cảm với cái mới, dễ chấp nhận cái mới, dung hợp và cải tạo cái mới, thấy cái gì hợp, thuận, tiện thì làm. Người Việt Nam cũng trọng tính hiệu quả thực tế hơn là lý thuyết cao sâu, thiên về dùng sẵn cái đã có (trên cơ sở cải tạo nó) hơn là sáng tạo ra cái mới hoàn toàn. Cũng chính vì thế, trong ứng xử, người Việt Nam cũng áp dụng chính cái nhìn thực tế, linh hoạt (“nhập gia tùy tục”, “sông có khúc, người có lúc”, “lùi một bước, tiến hai bước”,...). Tuy nhiên, trong hoạt động sáng tạo, người Việt Nam thường chủ yếu quan tâm đến nghệ thuật văn thơ hơn là sáng tạo khoa học kỹ thuật, trong đời sống thường chú trọng hơn về luân lý đạo đức và lối ứng xử văn hóa,...

Như vậy, ở con người Việt Nam truyền thống, sự cần cù, tính sáng tạo, linh hoạt là những đặc điểm cơ bản có thể đứng sau các đặc điểm về tinh thần yêu nước, ý thức cộng đồng, tình yêu thương con người. Trong một giới hạn nhất định, chúng tôi chưa có điều kiện để nhận diện toàn bộ đặc điểm cơ bản của con người Việt Nam truyền thống mà chỉ nêu lên những nét phác họa bước đầu và sẽ tiếp tục hướng theo đề tài này bởi ý nghĩa lý luận và giá trị thực tiễn của nó.

2.2. Những đặc điểm tiêu cực trong con người Việt Nam truyền thống cần khắc phục

Trong con người Việt Nam truyền thống, có nhiều đặc điểm tiêu cực tàn dư cần phải khắc phục, loại bỏ trong quá trình xây dựng con người Việt Nam mới để đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế của đất nước ta.

Như trên đã nói, trong con người Việt Nam truyền thống mang đậm ý thức cộng đồng nhưng vì quá đề cao cộng đồng (theo kiểu “đa số thắng thiểu số”, “tâm lý đám đông”) nên dẫn tới tâm lý phủ định hoặc đè nén cá tính sáng tạo và ý thức tự do cá nhân, thiếu tôn trọng sự khác biệt,... Chính vì thế chủ nghĩa bình quân, cục bộ, bè phái được hình thành và tồn tại dai dẳng.

Trong con người Việt Nam truyền thống có thiên hướng tình cảm chủ nghĩa cho nên coi thường tư duy lý tính, thiếu khách quan, dân chủ và tinh thần pháp luật,... Trong suy nghĩ thường mang nặng màu sắc cảm tính khi đánh giá con người: ít đi vào xem xét bản chất đích thực hay khả năng thực sự và hiệu quả công việc mà chỉ xem xét dựa trên hành vi, ứng xử, quan hệ và đời sống cá nhân của mỗi người. Điều này phản ánh đặc điểm tư duy hướng nội của con người Việt Nam truyền thống (thường hướng vào và từ bên trong để nhận thức về thế giới bên ngoài, theo cách: “từ bụng ta suy ra bụng người”,...). “Bởi thế nhiều khi con người bị nhìn nhận một cách sai lệch có tính chất chủ quan, phi lý trí.

Người Việt Nam truyền thống thường trọng kinh nghiệm nên nảy sinh tư tưởng "sống lâu lên lão làng", gia trưởng,... Mặt khác, việc quá đề cao các giá trị

tinh thần và tình cảm cũng khiến cho con người Việt Nam truyền thống thường xem nhẹ yếu tố vật chất, dẫn đến chủ quan duy ý chí, bất chấp quy luật khách quan.

Những yếu tố tiêu cực về tính cách của con người Việt Nam truyền thống còn được thể hiện ở tâm lý và lối suy nghĩ tiểu nông, hạn hẹp về tầm nhìn - chỉ nghĩ gần mà không dám nghĩ xa, dễ chấp nhận và chịu đựng, coi trọng tình nghĩa hơn lý lẽ, dễ dung hòa và thỏa hiệp, tùy tiện, nể nang, hẹp hòi, đố kỵ,... Người Việt Nam truyền thống thường trọng sự khôn khéo hơn trí tuệ. Khôn khéo thể hiện từ cách nghĩ “ăn đi trước, lợi nước đi sau” đến hành động “thực dụng”, giữ mình, xu thời, lựa cái gì vừa phải, hợp với mình và lợi cho mình,...

Con người Việt Nam truyền thống có đặc tính cần cù, chịu khó, hay lam hay làm nhưng vẫn theo lối làm ăn “năng nhặt chặt bị”, “kiến tha lâu đầy tổ”,... Vì thế, không dám mạnh dạn làm to, làm lớn, làm một cách táo bạo. Điều này cũng phản ánh sự chậm đổi mới, không sẵn sàng xóa bỏ cái cũ, bổ sung cái mới,... Tính thực tế hay linh hoạt của người Việt Nam truyền thống cũng chỉ trong phạm vi khuôn mẫu của chuẩn mực xã hội, đảm bảo trong sự “cho phép” của dư luận, của thói quen cộng đồng chứ chưa thoát ra khỏi sự ràng buộc truyền thống để thể hiện bản chất sáng tạo độc đáo của cá nhân chủ thể lao động. Nói cách khác, cần cù, thực tế, linh hoạt của con người Việt Nam truyền thống chỉ đáp ứng nhu cầu trước mắt, nhất thời mà thôi.

Trong con người Việt Nam hiện nay, những đặc điểm truyền thống mang tính tiêu cực, hạn chế được nhận diện trên đây vẫn còn tác động rất nặng nề trong mỗi lớp quan hệ, trong mỗi điều kiện sống và làm việc. Xã hội phát triển mang tính quy luật nên những đặc điểm tiêu cực đó nhất thiết sẽ bị loại bỏ nhưng phải xác định rằng đó là một quá trình lâu dài. Điều quan trọng là trong thực tiễn phát triển đất nước hiện nay, cần phải chú trọng giải phóng sức sáng tạo, phát huy mọi tiềm năng và giá trị văn hóa truyền thống của con người Việt Nam, quan tâm đặc biệt đến việc khắc phục những đặc điểm tiêu cực, hạn chế để nguồn nhân lực của đất nước thực sự phát triển khỏe mạnh toàn diện theo đúng nghĩa cả về *thể lực, trí lực và tâm lực*.

3. Kết luận

Con người Việt Nam truyền thống có tinh thần yêu nước nồng nàn, biết hy sinh lợi ích và tính mạng bản thân để bảo vệ Tổ quốc và nền độc lập, tự chủ của dân tộc. Tinh thần yêu nước trong thời đại ngày nay càng cần thiết phải được phát huy trên mọi phương diện để cùng hướng tới một mục tiêu cao nhất: “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”. Ý thức cộng đồng của con người Việt Nam cần phải tiếp tục phát huy được sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, kiên quyết vượt qua mọi khó khăn, trở ngại với tinh thần “Tổ quốc là trên hết”, “Vị thế đất nước là số MỘT” để Việt Nam thực sự “sánh vai cùng các cường quốc năm châu”. Tinh thần nhân đạo, nhân văn truyền thống cần phải tiếp tục khơi dòng cho sự phát triển của giá trị tinh thần con người Việt Nam hiện nay với sự khoan dung,

rộng mở tấm lòng, “người với người sống để yêu nhau”. Và để phát huy những phẩm chất tốt đẹp như cần cù, thực tế, linh hoạt, sáng tạo, cần tiếp tục xây dựng môi trường sống, điều kiện làm việc và quan hệ xã hội tốt đẹp để mỗi người thực sự thấy mình có ích, được trọng dụng, được phát triển hết sức về tài năng, trí tuệ, nhân cách và bản lĩnh của con người Việt Nam. Mặt khác, trong quá trình xây dựng con người Việt Nam mới nhất thiết phải khắc phục và xóa bỏ những đặc điểm mang tính tiêu cực, hạn chế của con người truyền thống. Chỉ khi mỗi chúng ta ý thức sâu sắc được rằng nếu không thay đổi, không chủ động hội nhập thì tự chúng ta đánh mất cơ hội để khẳng định bản lĩnh, vị thế và sức mạnh của mình. Suy rộng ra, đối với toàn thể dân tộc Việt Nam, nếu không biết nhận rõ bản chất của chính mình để biết mình, hiểu mình thì không thể nắm chắc phần thắng lợi trong quá trình phát triển.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Chương trình khoa học công nghệ cấp nhà nước KX-07, Đề tài KX-07-02, 1996. *Các giá trị truyền thống và con người Việt Nam hiện nay (Báo cáo tổng kết)*. GS Phan Huy Lê (Chủ nhiệm đề tài), Hà Nội.
- [2] Phạm Như Cương chủ biên, 1978. *Về vấn đề xây dựng con người mới*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Bá Cường, 2009. *Tiếp cận triết lí về con người trong lịch sử tư tưởng Việt Nam*. Tạp chí khoa học, Trường ĐHSP Hà Nội, số 2, tr. 42 - 50.
- [4] Trần Văn Giàu, 1983. *Trong dòng chủ lưu của văn học Việt Nam: Tư tưởng yêu nước*. Nxb Văn nghệ TP. Hồ Chí Minh.
- [5] Phạm Minh Hạc chủ biên, 1996. *Vấn đề con người trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [6] Hồ Chí Minh, 1995. *Toàn tập*, t.4, t.6. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [7] Nguyễn Tài Thư, 1997. *Ảnh hưởng của các hệ tư tưởng và tôn giáo đối với con người Việt Nam hiện nay*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [8] Viện Khoa học xã hội Quân sự Việt Nam, 2006. *Chuẩn mực đạo đức con người Việt Nam hiện nay*. Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội.

ABSTRACT

To approach the basic characteristics of traditional Vietnamese people

This paper mentions the issues of approaching the striking and basic characteristics of the traditional Vietnamese people, giving both positive and negative sides. The author considers that in order to develop the country firmly in process of development and integration, every Vietnamese needs to know how to inherit and uphold the positive features valuable in cultural traditions of this Nation, at the same time, needing to recognize completely the negative features of their own ways and to integrate actively in the international arena and contribute to enhancing the stuff, position and the power of our Nation.